

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Vân Thị Ánh Tuyết*

Hiện nay, mặc dù hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) là hoạt động đa năng, nhưng trên thực tế, hoạt động kinh doanh chủ đạo của các NHTM Việt Nam vẫn là các hoạt động ngân hàng truyền thống bao gồm huy động vốn và cho vay. Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng khác chiếm tỉ trọng còn khá thấp. Với các NHTM nhỏ thì nguồn thu chính vẫn là dựa trên chênh lệch lãi suất giữa huy động vốn và đầu tư cũng như cho vay. Do đó, vấn đề quản lý rủi ro lãi suất trong hoạt động ngân hàng có vai trò rất quan trọng, thậm chí có tính quyết định tới hiệu quả kinh doanh của các NHTM. Mặt khác, trong xu hướng hội nhập kinh tế, xu hướng tự do hóa hoàn toàn lãi suất, cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính nói chung và giữa các NHTM nói riêng trở nên ngày càng mạnh mẽ, dẫn đến chênh lệch lãi suất đầu ra – đầu vào cũng đã bị rút ngắn rất nhiều. Chính những yếu tố trên đã gây áp lực, đòi hỏi các NHTM phải có ý thức cao và có các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất một cách hiệu quả nhất.

RỦI RO LÃI SUẤT VÀ MÔ HÌNH NHẬN BIẾT RỦI RO LÃI SUẤT

Quản lý rủi ro lãi suất, hay nói chính xác hơn là quản lý rủi ro biến động lãi suất, là một bộ phận quan trọng hàng đầu của quản trị rủi ro ngân hàng. Các vấn đề rủi ro lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra trong các trường hợp sau: Lãi suất các khoản mục của tài sản Có là cố định và lãi suất các khoản mục tương ứng của tài sản Nợ là biến đổi hoặc ngược lại, lãi suất của các khoản mục tài sản Có và lãi suất các khoản mục tương ứng của tài sản Nợ đều biến đổi nhưng mức độ biến đổi khác nhau.

Rủi ro biến động lãi suất được hiểu tương tự như rủi ro về giá cả thị trường, lãi suất cho các khoản mục của nguồn vốn coi như giá đầu vào và lãi suất cho các khoản mục sử dụng vốn là giá đầu ra. Như vậy, biến động lãi suất chính là rủi ro gây ảnh hưởng xấu tới kết quả kinh doanh do có sự thay đổi lãi suất trên thị trường.

Trong hoạt động ngân hàng, lãi suất các sản phẩm ngân hàng thường được chia theo hai loại: Rủi ro thay đổi lãi suất cố định và rủi ro thay đổi lãi suất biến đổi.

RỦI RO THAY ĐỔI LÃI SUẤT BIẾN ĐỔI

Rủi ro thay đổi lãi suất biến đổi sẽ xảy ra khi lãi suất của các khoản mục trong tài sản Có (sử dụng vốn) và lãi suất của các khoản mục trong tài sản Nợ (nguồn vốn) không thể thay đổi đồng thời về thời điểm và đồng nhất về mức thay đổi của lãi suất thị trường. Nói cách khác, khi lãi suất thị trường thay đổi thì đều có sự co giãn về lãi suất của các khoản mục ở bên tài sản Có cũng như bên tài sản Nợ, nhưng sự co giãn này lại không đồng thời trong cùng khoảng thời gian và

không cùng cả mức độ co giãn với lãi suất thị trường. Điều đó một mặt có thể đem lại cho ngân hàng một cơ hội có chênh lệch lãi suất đầu ra – đầu vào lớn hơn, nhưng mặt khác, cũng có thể đem lại cho ngân hàng rủi ro giảm thu do chênh lệch lãi suất đầu ra – đầu vào bị thu hẹp lại.

RỦI RO THAY ĐỔI LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH

Khi giữa ngân hàng và khách hàng đã thỏa thuận một lãi suất cố định thì trong khoảng thời gian đã thỏa thuận, lãi suất này không thay đổi dù lãi suất thị trường có thể biến đổi mạnh và biến động nhiều lần. Rủi ro do thay đổi lãi suất cố định tác động đồng thời lên cả các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có của ngân hàng. Có hai khả năng có thể xảy ra:

★ Khả năng thứ nhất là khối lượng của các khoản mục tài sản Có với lãi suất cố định lớn hơn khối lượng của các khoản mục tài sản Nợ với lãi suất cố định. Khi lãi suất thị trường tăng lên thì lãi suất của phần nguồn vốn với lãi suất biến đổi (nhưng sử dụng với lãi suất cố định) cũng sẽ tăng lên theo. Chi phí nguồn vốn tăng nhưng lãi suất thu từ sử dụng vốn lại không tăng, dẫn đến giảm kết quả kinh doanh của ngân hàng. Ngược lại, khi lãi suất thị trường giảm thì ngân hàng lại có thêm lợi nhuận do gia tăng chênh lệch lãi suất đầu ra – đầu vào.

★ Khả năng thứ hai là khối lượng của các khoản mục tài sản

Ngân hàng Công thương Việt Nam ()*

Nợ với lãi suất cố định lớn hơn khối lượng của các khoản mục tài sản Có với lãi suất cố định. Trong trường hợp này, ngân hàng lại có lợi khi lãi suất thị trường tăng và chịu rủi ro khi lãi suất thị trường giảm.

Như vậy, trong cả hai trường hợp, khi có biến động lãi suất thị trường thì sẽ có thay đổi chênh lệch lãi suất. Phần chênh lệch khối lượng của các khoản mục tài sản Có và tài sản Nợ với lãi suất cố định có qui mô càng lớn thì ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh càng nhiều.

Về mặt lí thuyết, sẽ thật lý tưởng nếu ngân hàng luôn cân bằng được khối lượng các khoản mục nguồn vốn và sử dụng vốn với lãi suất cố định (và đồng thời cũng cân bằng được các khoản mục có lãi suất biến đổi). Như thế, ngân hàng sẽ luôn bảo đảm ổn định chênh lệch lãi suất đầu vào – đầu ra và không bị rủi ro lãi suất. Nhưng trong thực tế, cũng tương tự như về kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ, thường rất khó có được sự tương xứng đồng nhất. Vì vậy, các NHTM cần nhận biết được rủi ro này và có những biện pháp quản lí rủi ro lãi suất phù hợp để tránh ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh do bị giảm thu, thậm chí thua lỗ từ các nghiệp vụ ngân hàng phụ thuộc vào lãi suất.

MÔ HÌNH NHẬN BIẾT RỦI RO LÃI SUẤT

Mô hình nhận biết rủi ro lãi suất này dựa trên một bảng cân đối lãi suất, trong đó, các khoản mục của tài sản Có và tài sản Nợ được tập hợp tương ứng theo lãi suất cố định và lãi suất biến đổi.

Theo kinh nghiệm nhiều nước, có thể qui định các lãi suất cố định với thời hạn từ 6 tháng trở lên. Như

vậy xét về mặt lãi suất, trên bảng cân đối có thể xảy ra các trường hợp sau: Một là, giữa tài sản Có và tài sản Nợ có sự cân bằng khối lượng các khoản mục có lãi suất cố định cũng như lãi suất biến đổi; hai là, tổng khối lượng các khoản mục có lãi suất cố định bên tài sản Có nhiều hơn khối lượng này bên tài sản Nợ và thứ ba là trường hợp ngược lại. Sau đây là một ví dụ về bảng cân đối trong trường hợp tài sản Có với lãi suất cố định nhiều hơn tài sản Nợ với lãi suất cố định:

Tài sản Có	Tài sản Nợ
Các khoản mục có lãi suất cố định được cân bằng	
Các khoản sử dụng với lãi suất cố định (nhưng không có nguồn với lãi suất cố định)	Các khoản nguồn với lãi suất biến đổi (nhưng sử dụng với lãi suất cố định)
Các khoản mục với lãi suất biến đổi được cân bằng	

Với mô hình bảng cân đối lãi suất nói trên, có thể nhận biết khá dễ dàng việc có rủi ro lớn về biến động lãi suất hay không. Trường hợp lí tưởng, với lãi suất cố định, khi các tài sản Có được cân bằng với các tài sản Nợ thì có thể coi rủi ro không xảy ra khi có biến đổi lãi suất. Nếu các khoản sử dụng vốn có lãi suất cố định không cân bằng với các khoản nợ có lãi suất cố định thì rủi ro sẽ xảy ra nếu có biến đổi lãi suất thị trường. Trong ví dụ trên thì rủi ro của ngân hàng sẽ tăng lên khi lãi suất thị trường tăng vì phần sử dụng vốn là phần có lãi suất cố định. Nếu lãi suất thị trường giảm xuống thì trong trường hợp này, ngân hàng có cơ hội tăng kết quả kinh doanh do lãi suất đầu vào giảm nhưng lãi suất đầu ra không đổi vì đã được thỏa thuận cố định từ trước. Trường hợp khối lượng

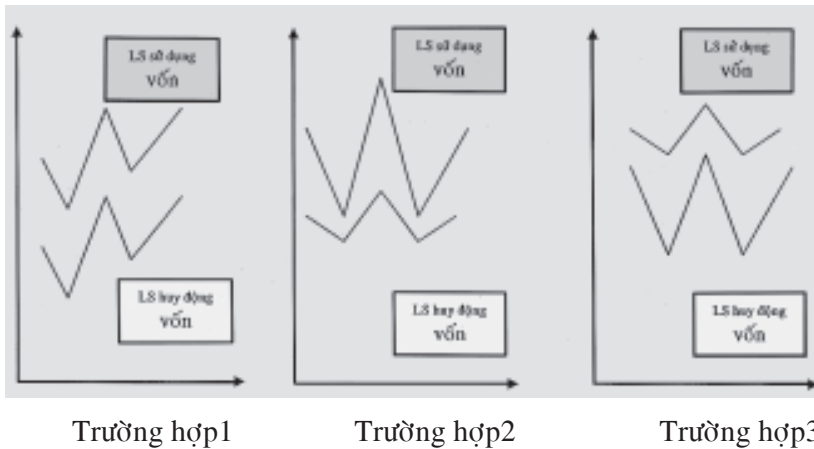
nguồn vốn với lãi suất cố định lớn hơn khối lượng sử dụng vốn với lãi suất cố định thì ta lại có các kết quả ngược lại khi lãi suất thị trường thay đổi: Rủi ro lãi suất tăng khi lãi suất thị trường giảm vì lãi suất thu từ sử dụng vốn giảm và cơ hội kết quả kinh doanh sẽ tăng khi lãi suất thị trường tăng.

Mô hình bảng cân đối lãi suất nêu trên là một công cụ khá đơn giản, dễ áp dụng trong quản lý rủi ro. Tuy nhiên, đó mới chỉ là

công cụ để nhận biết rủi ro lãi suất ở mức khái quát. Thực ra qua mô hình này mới chỉ biết được qui mô rủi ro lãi suất trong trường hợp lãi suất sử dụng vốn biến động, thay đổi với mức độ tương ứng như lãi suất nguồn vốn. Nhưng trên thực tế, rất nhiều trường hợp có sự co giãn khác nhau về lãi suất sử dụng vốn và nguồn vốn tại cùng một thời điểm khi lãi suất thị trường biến động. Để nhận biết và phân tích được rủi ro lãi suất biến đổi nêu trên, có thể áp dụng mô hình bảng cân đối độ co giãn của lãi suất. Theo mô hình này, tổng biến động về thu lãi suất sẽ được so sánh với tổng biến động về chi lãi suất để xác định độ chênh lệch, tức là rủi ro (hay cơ hội) về sinh lợi khi có biến động lãi suất trên thị trường. Có 3 trường hợp xảy ra:

- ① Lãi suất trung bình của sử dụng vốn và nguồn vốn có độ co

Mô hình phân tích độ co giãn lãi suất:



giãn bằng nhau, tức là chênh lệch lãi suất (margin) vẫn không thay đổi khi có biến động lãi suất;

② Lãi suất trung bình của sử dụng vốn có độ co giãn mạnh hơn của nguồn vốn khi lãi suất thị trường biến động. Điều đó có nghĩa khi lãi suất thị trường tăng thì chênh lệch lãi suất tăng và thu từ lãi suất cũng tăng theo tương ứng và ngược lại;

③ Lãi suất trung bình của nguồn vốn có độ co giãn mạnh hơn sử dụng vốn khi lãi suất thị trường biến động. Điều đó có nghĩa khi lãi suất thị trường tăng thì chênh lệch lãi suất sẽ giảm, thu từ lãi suất cũng giảm theo tương ứng và ngược lại (xem đồ thị trên).

MỘT SỐ BIỆN PHÁP, CÔNG CỤ ĐIỀU TIẾT RỦI RO LÃI SUẤT

Sau khi nhận biết và lượng hóa các rủi ro biến đổi lãi suất bằng kinh nghiệm hay bằng các công thức, mô hình khác nhau, ngân hàng phải có các biện pháp và sử dụng các công cụ khác nhau để điều tiết giảm thiểu các rủi ro về lãi suất trong hoạt động ngân hàng. Việc sử dụng các biện pháp, công cụ điều tiết lãi suất ở qui mô như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào chiến lược về quản lý rủi ro

của ngân hàng cũng như khả năng phân tích, dự báo xu thế thay đổi của lãi suất trên thị trường. Ngân hàng vẫn có thể chấp nhận rủi ro, không sử dụng hay chỉ sử dụng các biện pháp điều tiết rủi ro lãi suất ở một qui mô nhất định nếu họ tin rằng xu thế của lãi suất thị trường sẽ theo chiều hướng có lợi cho ngân hàng và nếu rủi ro có xảy ra thì đó là điều đã được lường trước và nằm hoàn toàn trong sự kiểm soát của ngân hàng, ngân hàng không chấp nhận được rủi ro này.

THẢ NỔ LÃI SUẤT

Một trong những biện pháp dễ áp dụng nhất đối với các tổ chức tín dụng để hạn chế rủi ro lãi suất là sử dụng công cụ lãi suất thả nổi (floating). Hiện nay, với cơ chế lãi suất thả thuận, không có giới hạn lãi suất từ phía cơ quan quản lý, các ngân hàng lại càng chủ động hơn trong việc sử dụng công cụ lãi suất thả nổi. Biện pháp này về nguyên tắc có thể áp dụng được cho cả bên huy động vốn lẫn bên sử dụng vốn. Theo đó, ngân hàng có thể thỏa thuận với khách hàng về một lãi suất linh hoạt, không cố định và được điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm. Tuy

nhiên, công cụ lãi suất thả nổi này chỉ có thể áp dụng được với các khoản mục trung và dài hạn và chủ yếu lại là bên sử dụng vốn khi cho vay tín dụng. Trong hoạt động huy động vốn, công cụ lãi suất thả nổi ít được khách hàng chấp nhận sử dụng hơn. Thậm chí với một số sản phẩm huy động vốn trung và dài hạn, công cụ lãi suất thả nổi này chỉ được sử dụng một cách hạn chế, theo hướng có lợi cho khách hàng gửi tiền chứ không hẳn có tác dụng hạn chế rủi ro lãi suất cho ngân hàng. Vì phải cạnh tranh huy động vốn rất gay gắt, cần đa dạng hóa sản phẩm, có thêm các sản phẩm huy động hấp dẫn, huy động vốn gần như bằng mọi cách mà một số ngân hàng đã chấp nhận lãi suất linh hoạt cho khách hàng nhưng thường chỉ điều chỉnh tăng khi mặt bằng lãi suất tăng chứ không giảm khi mặt bằng lãi suất giảm. Với nghiệp vụ cho vay bằng lãi suất thả nổi, ngân hàng có thể điều tiết, cân đối khá tốt những rủi ro lãi suất phát sinh do biến động lãi suất trên thị trường, do phải chuyển đổi thời hạn từ nguồn vốn huy động ngắn hạn sang cho vay trung và dài hạn. Tuy nhiên, không phải khách hàng vay vốn nào cũng có thể chấp nhận lãi suất cho vay thả nổi. Với lãi suất vay vốn thả nổi, một mặt, khách hàng vay vốn khó chủ động tính toán lập phương án kinh doanh khả thi. Mặt khác, thay vì ngân hàng chịu nhận rủi ro về lãi suất thì doanh nghiệp phải chịu rủi ro này. Khi có biến động lãi suất, rủi ro lãi suất thật sự xảy ra đối với doanh nghiệp thì rất có thể đây lại là tác nhân chính hoặc là một nguyên nhân thêm phần ảnh hưởng gây khó khăn ngoài dự đoán cho doanh nghiệp, làm món vay có thể trở thành món nợ xấu.

Cuối cùng thì trong trường hợp này ngân hàng là người vay cũng phải gánh chịu rủi ro, hậu quả do nợ xấu của doanh nghiệp.

HOÁN ĐỔI CÁC KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ

Với việc hoán đổi các khoản mục trong danh mục đầu tư (sử dụng vốn), ngân hàng có thể làm giảm độ co giãn của lãi suất tài sản Có với mục đích tạo ra sự cân bằng hoặc giảm sự chênh lệch với độ co giãn của lãi suất tài sản Nợ. Chẳng hạn, ngân hàng có thể chuyển đổi một số danh mục đầu tư có lãi suất biến đổi thành các khoản đầu tư có lãi suất cố định như trái phiếu Chính phủ với lãi suất cố định. Điều này sẽ giúp cho độ co giãn lãi suất của toàn bộ tài sản Có giảm xuống, bớt chênh lệch với độ co giãn lãi suất của toàn bộ tài

sản Nợ. Độ co giãn của lãi suất định chuyển đổi cũng như khối lượng của khoản mục tài sản này sẽ quyết định độ co giãn lãi suất chung của toàn bộ tài sản Có giảm được bao nhiêu, có đạt mục tiêu giảm rủi ro lãi suất hay không.

HOÁN ĐỔI CÁC KHOẢN MỤC NGUỒN VỐN

Với nguyên tắc tương tự, một NHTM cũng có thể làm cho độ co giãn lãi suất của nguồn vốn (tài sản Nợ) được tăng lên để cân bằng hoặc tiến tới cân bằng với bên tài sản Có thông qua việc chuyển đổi một số khoản mục của tài sản Nợ. Chẳng hạn, ngân hàng có thể trả lại các khoản vay thị trường liên ngân hàng (hoặc vay tái cấp vốn) với lãi suất biến đổi. Điều đó có nghĩa là các khoản tài sản Nợ có độ co giãn lãi suất bằng không đã được thay bằng các khoản có độ

co giãn lãi suất lớn hơn, làm độ co giãn lãi suất chung của toàn bộ bên tài sản Nợ tăng lên. Như vậy, ngân hàng sẽ đạt được mục tiêu giảm rủi ro lãi suất của mình. Độ co giãn của lãi suất chuyển đổi cũng như khối lượng của khoản mục nguồn vốn này sẽ quyết định độ co giãn lãi suất chung của toàn bộ tài sản Nợ tăng lên được bao nhiêu, có đạt mục tiêu cân bằng, hay giảm chênh lệch với bên tài sản Có hay không.

TĂNG QUI MÔ CÂN SỐ (TĂNG TỔNG NGUỒN VỐN, TĂNG TỔNG TÀI SẢN)

Nếu như các biện pháp chuyển đổi khoản mục tài sản Có hay tài sản Nợ không đem lại kết quả điều tiết rủi ro lãi suất như mong muốn hay chỉ mới đạt một phần yêu cầu thì ngân hàng phải sử dụng biện pháp tăng qui mô cân số với mục đích đồng thời tăng độ co giãn lãi suất một bên bằng cân đối và giảm độ co giãn lãi suất của bên kia. Chẳng hạn, khi độ co giãn lãi suất của tài sản Có quá cao so với tài sản Nợ thì ngân hàng có thể huy động vốn vay ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng (với lãi suất biến đổi) để rồi đem đầu tư lại cho các sản phẩm có lãi suất cố định (độ co giãn lãi suất bằng không). Tuy nhiên, sử dụng biện pháp này cũng cần hết sức thận trọng vì có những hạn chế nhất định. Qui mô tổng nguồn vốn/ tổng tài sản tăng lên sẽ có thể làm thay đổi cơ cấu và hàng loạt chỉ số hoạt động, các tỉ lệ an toàn khác mà ngân hàng phải bảo đảm tuân thủ. Do vậy, cần tính toán kỹ và sử dụng biện pháp này ở mức độ tương đối hạn chế.

GIẢM QUI MÔ CÂN SỐ (GIẢM TỔNG NGUỒN VỐN, GIẢM TỔNG TÀI SẢN) (xem tiếp trang 33) ➡



Hoạt động giao dịch trong ngân hàng TMCP Việt Á